

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Sơn;

- Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G, trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, Toà nhà PVL L, số 5 đường D1, phường L, thành phố T, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà PVL L, số 5, đường D1, phường L, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty luật TNHH MTV Đ; địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 3S Tower, số 81 N, phường A, Quận N, thành phố C có ông Trần Hữu Y, chức vụ: Nhân viên đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 175/UQTT-GLX.22).

Bị đơn: Ông Phan Thanh P, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 01, khóm Vĩ, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu Y có mặt; ông Phan Thanh P vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/10/2017, ông Phan Thanh P có ký hợp đồng tín dụng số 20171021-0007157 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T (sau đây gọi tắt là công ty) để vay vốn cụ thể: số tiền vay: 26.375.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất cho vay: 5%/tháng; thời hạn vay: 24 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Phan Thanh P có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.437.779 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.911.265 đồng, tháng cuối cùng trả 3.478.684 đồng, bắt đầu trả từ ngày 02/12/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã trả được số tiền 13.456.000 đồng, kể từ ngày 30/10/2018 đến nay ông P không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí phí khác.

Ngày 29/3/2021, khoản nợ của ông P được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T chuyển nhượng cho công ty TNHH mua bán nợ G theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEO-21-0003. Nay, Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 33.981.779 đồng (tiền gốc là 22.227.876 đồng, tiền lãi là 11.753.903 đồng).

Bị đơn ông Phan Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia xét xử nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, vào ngày 21/10/2017, ông Phan Thanh P có ký hợp đồng tín dụng số 20171021-0007157 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 26.375.000 đồng, hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông P đã nhận đủ tiền, nhưng chỉ trả được 13.456.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Ngày 29/3/2021 Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T chuyển nhượng lại khoản nợ của ông Phan Thanh P cho Công Ty TNHH mua bán nợ G. Do ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và còn nợ lại Công ty vốn và lãi với tổng số tiền là 33.981.779 đồng nên Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện ông P trả số tiền còn nợ.

Xét, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T với ông Phan Thanh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, xét thấy việc Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T có thỏa thuận chuyển giao khoản nợ của ông P sang Công ty TNHH mua bán nợ G là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P. Do trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bên vay – ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay của Công ty TNHH mua bán nợ G nên việc Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông Phong trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 365, 463, 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Thanh P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G 33.981.779 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh P trả nợ vay. Ông P đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Xét hợp đồng tín dụng số 20171021-0007157 ngày 21/10/2017 giữa Công

ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam T với ông Phan Thanh P được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông P được Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng Việt Nam T cho vay với số tiền là 26.375.000 đồng. Sau khi vay, ông P đã trả được số tiền 13.456.000 và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ ngày 30/10/2018. Ngày 29/3/2021, khoản nợ của ông P được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam T chuyển nhượng cho công ty TNHH mua bán nợ G theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-21-0003.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G; buộc ông P trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G số tiền 33.981.779 đồng (trong đó nợ gốc là 22.227.876 đồng, nợ lãi là 11.753.903 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 365, 450, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G.

Buộc ông Phan Thanh P trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G số tiền 33.981.779 đồng (trong đó nợ gốc là 22.227.876 đồng, nợ lãi là 11.753.903 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Phan Thanh P phải chịu 1.699.000 (*Một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002282 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G.

4. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phan Thanh P là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Tp.CĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS Tp.CĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Đã ký

Lâm Ngọc Phượng